TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 148/2023/QĐST-DS	*Ninh Kiều, ngày 19 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số 428/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP V.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng C, số C, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1990, theo văn bản ủy quyền số 84/2023/UQ-VPB ngày 21/8/2023.

Địa chỉ liên lạc: Tầng C, số C, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: 1. Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm: 1968;

2. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1968.

Cùng địa chỉ: Số F, đường C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ông G ủy quyền cho bà T1 theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2023.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản:

Ông Lê Văn G1, bà Nguyễn Thị T1 vay vốn của Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh H (Gọi tắt là Ngân hàng) theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 9994553/HCM/HĐTD ngày 10/11/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 08/4/2020, số tiền vay 1.358.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi tám triệu) theo phương thức cho vay từng lần; Mục đích vay: Mua xe ô tô Universe K47; Thời hạn vay 72 tháng; Kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/lần (Vào ngày 10 dương lịch); Lãi suất cho vay: 9,8%/năm (Được áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả trên số tiền lãi trong hạn: 10%/năm. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn G, bà Lê Thị T2 số tiền vay 1.358.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 10/11/2016.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ ngày 08/01/2018, số tiền vay 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T1 vào tài khoản số 110942354 mở tại Ngân hàng của ông bà.

Ngoài ra, Ngân hàng còn cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị T1 với hạn mức 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 24/10/2016.

+ Về số tiền nợ: Tính đến ngày 11/9/2023, ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T1 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền theo các hợp đồng tín đã ký kết là **594.574.127** đồng (Năm trăm chín mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 410.500.120 đồng; Nợ lãi: 184.074.007 đồng, cụ thể theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 9994553/HCM/HĐTD ngày 10/11/2016:

Nợ gốc: 132.714.565 đồng;

Lãi trong hạn: 33.580.997 đồng;

Lãi quá hạn: 16.790.498 đồng.

+ Phụ lục số 01/PLHĐ ngày 08/4/2020:

Nợ gốc: 180.831.916 đồng;

Lãi trong hạn: 25.206.964 đồng;

Lãi quá hạn: 12.603.482 đồng.

+ Hợp đồng số CN/VN0010102/201801/09 ngày 08/01/2018:

Nợ gốc: 28.610.826 đồng;

Lãi quá hạn: 16.606.200 đồng;

+ Thẻ tín dụng:

Nợ gốc: 68.342.813 đồng;

Lãi trong hạn: 52.857.243;

Lãi quá hạn: 26.428.624 đồng.

Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T1 đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tạm tính 11/9/2023 như đã nêu trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/9/2023 theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

+ Về thời gian và cách thức trả nợ: Do hai bên tự thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết.

+ Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V, ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T1 đồng ý cho Ngân hàng TMCP V yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HONGHA, số loại UNIVERSE, màu sơn: Đỏ, số khung RLYB3RNHHGH000031, số máy CA6DF22652679907, biển kiểm soát: 65B-011.39 (Theo hợp đồng thế chấp số 9994553/HCM/HĐTCSP ngày 10/11/2016).

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 13.891.483 đồng (Mười ba triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng).

Ngân hàng TMCP V được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 15.527.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001230 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THA DS Q.NK;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ.

Văng Thị Ngọc Yến